

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 4, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý I năm tài chính 2013**

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý I Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,383,731,035,838	1,495,817,658,883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	60,212,481,412	63,446,806,706
1. Tiền	111		40,412,481,412	29,016,806,706
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,800,000,000	34,430,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7,907,309,615	5,077,309,615
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7,907,309,615	5,077,309,615
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		905,717,922,060	1,061,579,424,953
1. Phải thu khách hàng	131		495,762,605,098	720,215,225,105
2. Trả trước cho người bán	132		366,653,171,561	305,620,224,464
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	44,520,953,428	36,962,783,411
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,218,808,027)	(1,218,808,027)
IV. Hàng tồn kho	140		264,353,796,441	237,783,119,484
1. Hàng tồn kho	141	V.04	264,353,796,441	237,783,119,484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		145,539,526,310	127,930,998,125
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,017,033,255	46,897,785
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82,769,594,813	78,979,324,299
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	0	3,577,979
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		60,752,898,242	48,901,198,062
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2,548,409,974,006	2,672,052,533,690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		2,496,149,199,090	2,618,713,150,750
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	733,524,371,978	738,759,955,232
- Nguyên giá	222		814,824,476,280	814,793,476,280
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(81,300,104,302)	(76,033,521,048)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	5,044,305,956	6,207,686,125
- Nguyên giá	225		9,998,329,584	11,169,758,155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(4,954,023,628)	(4,962,072,030)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	633,451,384	682,932,823
- Nguyên giá	228		1,425,262,488	1,425,262,488
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(791,811,104)	(742,329,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,756,947,069,772	1,873,062,576,570
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0

- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	44,658,439,691	44,914,653,991
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21,417,439,691	21,673,653,991
3. Đầu tư dài hạn khác	258		23,241,000,000	23,241,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		7,602,335,225	8,424,728,949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6,458,058,586	7,507,874,760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	621,736,139	394,313,689
3. Tài sản dài hạn khác	268		522,540,500	522,540,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,932,141,009,844	4,167,870,192,573
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,320,394,251,973	3,556,200,142,577
I. Nợ ngắn hạn	310		887,082,164,878	937,922,927,586
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	306,892,262,228	290,842,951,184
2. Phải trả người bán	312		134,172,451,929	177,922,979,045
3. Người mua trả trước	313		139,471,784,066	142,576,399,327
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	24,840,249,848	10,674,670,483
5. Phải trả người lao động	315		3,053,762,272	6,061,055,558
6. Chi phí phải trả	316	V.17	43,097,993,466	34,839,561,891
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	231,696,772,846	271,291,102,478
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		0	0
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323		3,856,888,223	3,714,207,620
II. Nợ dài hạn	330		2,433,312,087,095	2,618,277,214,991
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		925,157,060,954	934,546,060,954
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1,508,155,026,141	1,683,731,154,037
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		557,327,026,642	556,879,425,456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	557,327,026,642	556,879,425,456
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349,976,000,000	349,976,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72,202,032,987	72,222,032,987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31,974,455,915	31,974,455,915
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,871,864,337	11,871,864,337
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		91,302,673,403	90,835,072,217
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C - Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		54,419,731,229	54,790,624,540
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)			3,932,141,009,844	4,167,870,192,573

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2,103,739,050	2,103,739,050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		504,297,458	504,297,458
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	438,126,057,046	213,623,615,354	438,126,057,046	213,623,615,354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	2,947,644,261	389,600,718	2,947,644,261	389,600,718
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	435,178,412,785	213,234,014,636	435,178,412,785	213,234,014,636
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	417,833,604,412	188,236,915,618	417,833,604,412	188,236,915,618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17,344,808,373	24,997,099,018	17,344,808,373	24,997,099,018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,090,587,699	5,851,909,908	1,090,587,699	5,851,909,908
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	5,542,310,188	819,755,382	5,542,310,188	819,755,382
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5,542,310,188</i>	<i>819,755,382</i>	<i>5,542,310,188</i>	<i>819,755,382</i>
8. Chi phí bán hàng	24		177,171,681	220,389,068	177,171,681	220,389,068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,506,570,366	7,725,918,955	10,506,570,366	7,725,918,955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		2,209,343,837	22,082,945,521	2,209,343,837	22,082,945,521
11. Thu nhập khác	31		1,128,496,981	332,514,286	1,128,496,981	332,514,286
12. Chi phí khác	32		1,038,300,681	1,961,397,686	1,038,300,681	1,961,397,686
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		90,196,300	(1,628,883,400)	90,196,300	(1,628,883,400)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(325,967,040)	(1,803,815,133)	(325,967,040)	(1,803,815,133)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,973,573,097	18,650,246,988	1,973,573,097	18,650,246,988
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	718,064,515	4,614,942,147	718,064,515	4,614,942,147
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(227,422,450)	-	(227,422,450)	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1,482,931,032	14,035,304,841	1,482,931,032	14,035,304,841
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		52	405	52	405
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		(339,996,679)	(147,190,326)	(339,996,679)	(147,190,326)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		1,822,927,711	14,182,495,167	1,822,927,711	14,182,495,167

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 4, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý I năm tài chính 2013**

Mẫu số B03 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I Năm 2013*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		767,099,860,867	414,351,602,204
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(232,039,504,706)	(220,203,385,909)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,515,537,223)	(10,934,448,822)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(40,796,422,506)	(58,826,448,463)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4,499,149,677)	(2,708,502,700)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45,379,056,361	41,912,454,738
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(154,496,884,224)	(147,840,462,546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		366,131,418,892	15,750,808,502
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(22,759,467,043)	(108,241,863,200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3,205,000,000)	(59,990,292,948)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		375,000,000	60,232,418,648
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		956,339,488	4,819,348,391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24,633,127,555)	(103,180,389,109)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	3,200,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		177,245,376,184	103,607,053,405
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(521,674,640,915)	(76,378,270,316)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(298,563,900)	(173,731,587)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,788,000)	(665,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(344,732,616,631)	30,254,386,502
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3,234,325,294)	(57,175,194,105)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63,446,806,706	154,520,948,747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		60,212,481,412	97,345,754,642

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 07 ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn phát triển nhà và đô thị (HUD)	4.524.480	45.244.800.000	12,928%
Các cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87,072%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2013.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013 Công ty đã góp vốn thành lập bốn (04) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	51,00	51,00	Xây lắp
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Giá vốn dự án Xuân Phương, giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Tiền mặt	940.663.257	347.818.919
	- Tiền gửi ngân hàng	39.471.818.155	28.668.987.787
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.800.000.000	34.430.000.000
	Cộng	60.212.481.412	63.446.806.706
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

- Đầu tư ngắn hạn khác	7.907.309.615	5.077.309.615
<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>4.907.309.615</i>	<i>2.077.309.615</i>
Cộng	7.907.309.615	5.077.309.615
3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	612.084.000	1.067.084.000
- Phải thu khác	43.908.869.428	35.895.699.411
Cộng	44.520.953.428	36.962.783.411
4 - Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	6.960.939.900	4.865.285.465
- Công cụ, dụng cụ	30.449.854	30.449.854
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	257.362.406.687	232.887.384.165
Cộng giá gốc hàng tồn kho	264.353.796.441	237.783.119.484

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	0	3.577.979
Cộng	0	3.577.979

8 – Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

(Phụ lục 02)

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	26.979.647.822	26.500.313.208
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	9.715.082.710	6.658.988.057

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

- Dự án Đường Lê Đức Thọ	352.300.636.193	342.056.386.303
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án BT Quốc lộ 21	444.926.571.075	601.675.123.239
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.894.504.143	8.894.504.143
- Dự án Đơn vị ở số 2	141.573.449.136	135.299.663.288
- Dự án Đơn vị ở số 3	351.331.019.731	350.545.473.383
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	298.175.914.349	297.289.432.328
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.333.256.501	1.324.404.692
- Dự án Tỉnh lộ 39	111.835.997.839	92.948.973.656
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Các dự án khác	4.773.084.191	4.761.408.191
Cộng	1.756.947.069.772	1.873.062.576.570

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	21.417.439.691	21.673.653.991
- Đầu tư dài hạn khác	23.241.000.000	23.241.000.000
Cộng	44.658.439.691	44.914.653.991

Trong đó:

		Cuối kỳ		Đầu kỳ	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Đầu tư vào công ty liên kết					
1.	- Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	11.937.343.493	1.385.000	12.194.324.558
2.	- Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.786.214.943	180.000	1.787.084.692
3.	- Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.378.171.949	224.000	2.303.232.670
4.	- Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	180.000	2.565.189.477	180.000	2.567.410.286
5.	- Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.076.580.971	105.000	1.128.999.224

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

6. - Công ty CP D-Tech	200.000	1.673.938.858	200.000	1.692.602.561
Cộng	2.274.000	21.417.439.691	2.274.000	21.673.653.991

b) Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư góp vốn vào Công ty khác (*)	684.000	6.840.000.000	684.000	6.840.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		16.401.000.000		16.401.000.000
Cộng	684.000	23.241.000.000	684.000	23.241.000.000

(*) Đây là giá trị đầu tư góp vốn của Công ty vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

14 - Chi phí trả trước dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	6.458.058.586	7.507.874.760
Cộng	6.458.058.586	7.507.874.760

15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	305.039.302.170	288.014.074.353
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	136.966.228.003	88.029.874.205
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	101.012.650.791	102.723.458.366
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	5.100.000.000	5.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	46.809.798.376	57.529.338.088
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	0	5.190.730.114
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Thái Bình	0	15.767.123.853
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	0	5.247.924.727
+ Vay đối tượng khác	15.150.625.000	8.425.625.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1.852.960.058	2.828.876.831
Cộng	306.892.262.228	290.842.951.184

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐ ngày 27/08/2012, mức dư nợ tối đa là 162.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐTD ngày 18/07/2012, mức dư nợ tối đa là 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 67.12.01/HĐHM/IL.20 ngày 14/09/2012, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0008/HĐTDHM-GPBTGL/12 ngày 27 tháng 04 năm 2012 của Hội đồng tín dụng cấp cao Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

- Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Thái Bình, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh:

Đây là các khoản vay ngắn hạn để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền - Huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình” (Dự án BT39) : Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 12 tháng (vay ngắn hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 1.300.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 800.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 200.000.000.000 đồng).

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	23.800.425.683	5.581.985.361

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	811.560.053	4.763.244.197
- Thuế thu nhập cá nhân	228.264.112	329.440.925
Cộng	24.840.249.848	10.674.670.483
17 - Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh LK 22	4.298.801.788	4.355.576.601
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh LK 24	2.846.718.076	1.985.567.673
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh LK 25	3.295.681.786	3.952.375.250
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh LK 26	588.959.835	629.459.568
- Trích trước giá vốn - Dự án Đơn vị ở 3	406.697.661	406.697.661
- Trích trước CP quản lý dự án BT 39	0	536.866.196
- Chi phí lãi TP HUT2012 trả sau	27.182.252.055	19.316.005.480
- Chi phí phải trả	4.478.882.265	3.657.013.462
Cộng	43.097.993.466	34.839.561.891
18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	767.502.362	885.429.460
- Bảo hiểm xã hội	390.924.441	258.352.361
- Bảo hiểm y tế	66.057.972	41.811.394
- Bảo hiểm thất nghiệp	29.092.327	18.304.545
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	230.443.195.744	270.087.204.718
Cộng	231.696.772.846	271.291.102.478

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a Vay dài hạn	1.506.545.906.398	1.682.122.034.294
- Vay ngân hàng	1.295.225.606.398	1.470.741.734.294
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	496.928.437.341	612.295.247.350

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	12.177.832.409	13.284.832.409
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	398.121.600.000	402.841.000.000
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD I	175.713.054.230	173.713.054.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	601.700.000	668.600.000
+ NH TMCP Á Châu	31.100.000	62.360.000
+ NH TMCP Kỹ thương VN - CN Nam Định	1.086.500.018	1.199.416.685
+ NH TMCP Kỹ thương VN - PGD Xuân La	12.770.000	21.611.220
+ Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình	126.331.593.400	160.437.593.400
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	42.110.500.000	53.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	42.110.519.000	52.818.019.000
- Vay đối tượng khác	51.810.300.000	51.870.300.000
- Trái phiếu phát hành	159.510.000.000	159.510.000.000
b Nợ dài hạn	1.609.119.743	1.609.119.743
- Thuê tài chính	1.609.119.743	1.609.119.743
Cộng	1.508.155.026.141	1.683.731.154.037

Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Độ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần. Hợp đồng số 01/2010/PLHD ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng số 01/2009/HĐTĐĐT-NHPT ngày 27/3/2009 và phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI số tiền vay tối đa đầu tư giai đoạn I của dự án 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Khoản vay dài hạn thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phủ Lý-Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BT”: Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010 HĐTD ngày 17/12/2010 ký giữa Ngân hàng ĐT & PTVN - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội - Sở GD 1 và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco (doanh nghiệp dự án): Khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 2.592.000.000.000 đồng (theo tỷ lệ Ngân hàng đầu tư và phát triển VN Chi nhánh Nam Định: 1.944.000.000.000 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội: 648.000.000.000 đồng). Thời hạn vay phù hợp với tiến độ triển khai của dự án với điều kiện: Thời gian giải ngân tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và thời gian cho vay thu nợ đối với mỗi khoản vay tối đa là 18 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình, Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh:

Đây là các khoản vay dài hạn thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình”: Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 54 tháng (vay trung hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 100.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 100.000.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

21 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	621.736.139	394.313.689
Cộng	621.736.139	394.313.689
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
22 - Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04)		
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tập đoàn PT nhà và đô thị - HUD	45.244.800.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Cộng	349.976.000.000	349.976.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp tại ngày đầu kỳ</i>	349.976.000.000	349.976.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp tại ngày cuối kỳ</i>	349.976.000.000	349.976.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.997.600	34.997.600
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	31.974.455.915	31.974.455.915
- Quỹ dự phòng tài chính	11.871.864.337	11.871.864.337

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Cộng	43.846.320.252	43.846.320.252
-------------	-----------------------	-----------------------

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I-2013	Quý I-2012
- Doanh thu Trạm thu phí	17.498.456.364	11.521.606.013
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.122.642.769	395.283.967
- Doanh thu hoạt động xây lắp	401.908.328.662	114.428.754.514
- Doanh thu hoạt động KD bất động sản	14.596.629.251	87.277.970.860
Cộng	438.126.057.046	213.623.615.354
26 - Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý I-2013	Quý I-2012
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	2.947.644.261	160.262.147
- Hàng bán bị trả lại	0	229.338.571
Cộng	2.947.644.261	389.600.718
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Quý I-2013	Quý I-2012
	435.178.412.785	213.234.014.636
28 - Giá vốn hàng bán	Quý I-2013	Quý I-2012
- Giá vốn hoạt động thu phí	3.430.389.147	4.541.458.409
- Giá vốn của hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.557.474.550	283.518.242
- Giá vốn hoạt động xây lắp	394.285.234.993	108.113.098.079
- Giá vốn hoạt động KD bất động sản	13.560.505.722	75.298.840.888
Cộng	417.833.604.412	188.236.915.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

29 - Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I-2013	Quý I-2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.090.587.699	5.851.909.908
Cộng	1.090.587.699	5.851.909.908
30 - Chi phí tài chính	Quý I-2013	Quý I-2012
- Lãi tiền vay	5.542.310.188	819.755.382
Cộng	5.542.310.188	819.755.382
31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý I-2013	Quý I-2012
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	718.064.515	4.614.942.147
Cộng	718.064.515	4.614.942.147
32 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Quý I-2013	Quý I-2012
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-227.422.450	0
Cộng	-227.422.450	0

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.
2. Thông tin liên quan:

Các giao dịch mua:	Mối quan hệ	Quý I-2013	Quý I-2012
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	Công ty liên kết	819.289.055	1.680.607.762
Công ty Cổ phần ĐT và XD Tiến Phát	Công ty liên kết	1.240.240.390	
Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	Công ty liên kết		1.452.118.064
Cộng		2.059.529.445	3.132.725.826
Các giao dịch bán:	Mối quan hệ	Quý I-2013	Quý I-2012
Công ty Cổ phần ĐT và XD Tiến Phát	Công ty liên kết	0	18.181.818
Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	Công ty liên kết	0	78.200.000
Cộng		0	96.381.818

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	132.102.200.000	132.102.200.000
Cộng	132.102.200.000	132.102.200.000
Các khoản phải trả người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	836.968.605	1.721.729.644
Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	1.969.331.371	2.954.478.371
Cộng	2.806.299.976	4.676.208.015
Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	351 264 800	351.264.800
Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	67.200.000	67.200.000
Công ty Cổ phần ĐT đô thị và XD Trường Giang	540.000.000	540.000.000
Cộng	607.200.000	958.464.800
Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần ĐT và XD Tiến Phát	8.987.813.836	10.352.078.265
Cộng	8.987.813.836	10.352.078.265

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/03/2012

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

TT	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TS Hữu hình khác	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ						
I	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	16.407.013.288	25.373.772.468	14.524.090.627	14.605.270.867	743.883.329.030	814.793.476.280
	Số dư đầu năm	16.407.013.288	25.373.772.468	14.524.090.627	14.605.270.867	743.883.329.030	814.793.476.280
II	Tăng trong kỳ	0	1.203.658.571	0	0	0	1.203.658.571
1	Mua trong kỳ	0	31.000.000	0	0	0	31.000.000
2	Nhận góp vốn, Mua lại thuê TC	0	1.172.658.571	0	0	0	1.172.658.571
III	Giảm trong kỳ	0	1.172.658.571	0	0	0	1.172.658.571
1	Thanh lý, nhượng bán	0	1.172.658.571	0	0	0	1.172.658.571
2	Giảm khác	0	0	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	16.407.013.288	25.404.772.468	14.524.090.627	14.605.270.867	743.883.329.030	814.824.476.280
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
I	Số dư đầu năm	6.919.096.477	10.845.880.902	7.061.776.636	6.544.488.732	44.662.278.301	76.033.521.048
II	Tăng trong kỳ	163.879.288	952.354.860	747.528.544	411.680.280	3.430.389.147	5.705.832.119
1	Khấu hao trong kỳ	163.879.288	952.354.860	747.528.544	411.680.280	3.430.389.147	5.705.832.119
2	Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	439.248.865	0	0	0	439.248.865
1	Thanh lý, nhượng bán	0	439.248.865	0	0	0	439.248.865
2	Giảm khác	0	0	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	7.082.975.765	11.358.986.897	7.809.305.180	6.956.169.012	48.092.667.448	81.300.104.302
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ HỮU HÌNH						
I	Tại ngày đầu năm	9.487.916.811	14.527.891.566	7.462.313.991	8.060.782.135	699.221.050.729	738.759.955.232
II	Tại ngày cuối kỳ	9.324.037.523	14.045.785.571	6.714.785.447	7.649.101.855	695.790.661.582	733.524.371.978

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

TT	Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ			
I	Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	4.887.410.389	6.282.347.766	11.169.758.155
	Số dư đầu năm	4.887.410.389	6.282.347.766	11.169.758.155
II	Tăng trong kỳ	0	0	0
1	Thuê tài chính trong năm	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	1.171.428.571	0	1.171.428.571
1	Mua lại TS thuê tài chính	1.171.428.571	0	1.171.428.571
2	Giảm khác	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	3.715.981.818	6.282.347.766	9.998.329.584
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
I	Số dư đầu năm	2.499.190.785	2.462.881.245	4.962.072.030
II	Tăng trong kỳ	118.593.773	312.606.690	431.200.463
1	Khấu hao trong kỳ	118.593.773	312.606.690	431.200.463
2	Tăng khác	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	439.248.865	0	439.248.865
1	Mua lại TS thuê tài chính	439.248.865	0	439.248.865
2	Giảm khác	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	2.178.535.693	2.775.487.935	4.954.023.628
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ THUÊ TC			
I	Tại ngày đầu năm	2.388.219.604	3.819.466.521	6.207.686.125
II	Tại ngày cuối kỳ	1.537.446.125	3.506.859.831	5.044.305.956

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

TT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ			
I	Nguyên giá TSCĐ vô hình	202.570.451	1.222.692.037	1.425.262.488
	Số dư đầu năm	202.570.451	1.222.692.037	1.425.262.488
II	Tăng trong kỳ	0	0	0
1	Mua trong kỳ	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	0	0
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	202.570.451	1.222.692.037	1.425.262.488
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
I	Số dư đầu năm	65.010.097	677.319.568	742.329.665
II	Tăng trong kỳ	1.680.487	47.800.952	49.481.439
1	Khấu hao trong kỳ	1.680.487	47.800.952	49.481.439
2	Tăng khác	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	0	0
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	66.690.584	725.120.520	791.811.104
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ VÔ HÌNH			
I	Tại ngày đầu năm	137.560.354	545.372.469	682.932.823
II	Tại ngày cuối kỳ	135.879.867	497.571.517	633.451.384

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	349.976.000.000	72.257.032.987	19.182.697.924	6.610.011.398	0	80.519.281.853	528.545.024.162
Tăng trong năm	0	0	12.791.757.991	5.261.852.939		36.810.734.675	54.864.345.605
Phân phối lợi nhuận			12.791.757.991	5.261.852.939			18.053.610.930
Lãi						36.810.734.675	36.810.734.675
Giảm trong năm	0	35.000.000	0	0	0	26.494.944.311	26.529.944.311
Phân phối lợi nhuận						26.467.931.211	26.467.931.211
Giảm khác		35.000.000				27.013.100	62.013.100
Số dư tại ngày 31/12/2012	349.976.000.000	72.222.032.987	31.974.455.915	11.871.864.337	0	90.835.072.217	556.879.425.456
Số dư tại ngày 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	31.974.455.915	11.871.864.337	0	90.835.072.217	556.879.425.456
Tăng trong năm	0	0	0	0		1.822.927.711	1.822.927.711
Phân phối lợi nhuận							0
Lãi						1.822.927.711	1.822.927.711
Giảm trong năm	0	20.000.000	0	0	0	1.355.326.525	1.375.326.525
Phân phối lợi nhuận						1.355.326.525	1.355.326.525
Giảm khác		20.000.000					20.000.000
Số dư tại ngày 31/03/2013	349.976.000.000	72.202.032.987	31.974.455.915	11.871.864.337	0	91.302.673.403	557.327.026.642